

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **458/2021/QĐST-HNGĐ**

Ba Đình, ngày 29 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2021/TLST – HN&GD ngày 05 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Nguyên đơn*: Anh **Vũ Xuân T**, sinh năm 1981, Chứng minh nhân dân số: 121864392 ngày cấp: 18/10/2019 tại Công an tỉnh B, Đăng ký hộ khẩu: Thôn Z, xã L, huyện T, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1983; Đăng ký hộ khẩu: Thôn Z, xã L, huyện T, tỉnh B; nơi làm việc: Số 15 ngõ 10 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 9 năm 2021.

[2] Quan hệ hôn nhân của anh Vũ Xuân T và chị Nguyễn Thị L là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số: 29; Quyền số: 01/2007 ngày 22 tháng 10 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh B.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Vũ Xuân T** và chị **Nguyễn Thị L** thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao cháu **Vũ Ngọc A**, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2008 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu **Vũ Trường S**, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 10 năm 2021 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Vũ Xuân T và chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo về nhà ở;

Về khoản nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Anh Vũ Xuân T tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp. Anh T được trả lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 6381 ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự huyện T, tỉnh B;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long